

Bản án số: 461/2022/HS-PT

Ngày: 18-11-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Tự

*Các Thẩm phán:* Ông Phạm Tấn Hoàng

Ông Mai Xuân Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Quang Toàn, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 384/2022/TLPT-HS ngày 07 tháng 9 năm 2022 đối với bị cáo Hoàng Mạnh C do có kháng cáo của bị cáo và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2022/HS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Bị cáo có kháng cáo:**

**HOÀNG MẠNH C**, sinh ngày 18 tháng 3 năm 1985 tại Quảng Trị; Nơi ĐKKHKT: thành phố Đà Nẵng; Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Nhân viên hãng hàng không M; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Anh T và bà Lê Thị H (*đều còn sống*); Có vợ là Chu Thị Mỹ L (*đã ly hôn*), sống chung như vợ chồng với Võ Thị Quỳnh N (*nhưng không đăng ký kết hôn*) và có 01 con sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 16/9/2020, có mặt.

**- Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Mạnh C** - Luật sư Nguyễn Thị O - Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng, bào chữa theo yêu cầu của Tòa án, có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:**

- Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1988. Nơi cư trú: thành phố Đà Nẵng, có mặt.

*Ngoài ra trong vụ án còn có người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Ông Rong Kai B và ông Wang Qi J đại diện hiệp hội Cixi T, Trung Quốc nhập cảnh Việt Nam đến Đà Nẵng thu mua khẩu trang y tế. Từ ngày 25/01/2020 đến ngày 01/02/2020 đã thu mua được hơn 100.000 cái khẩu trang, chia ra làm 50 thùng.

Ngày 01/02/2020, ông Rong Kai B và ông Wang Qi J đến sân bay Đà Nẵng làm việc với hãng hàng không M (vì vé về nước ngày 03/02/2020) để làm thủ tục vận chuyển hàng về nước và được mang theo 08 (tám) thùng khẩu trang theo hành lý. Tại đây ông Rong Kai B có gặp Hoàng Mạnh C là nhân viên đại diện hãng hàng không M tại Việt Nam. C nhận vận chuyển 42 thùng hàng khẩu trang y tế còn lại với giá 04 đô la Mỹ/kg. Ông Rong Kai B đồng ý.

Khoảng 17 giờ ngày 02/02/2020, C thuê xe tải BKS 43S- 1354 do Đoàn Ngọc H điều khiển đến khách sạn C, quận N, thành phố Đà Nẵng để vận chuyển 42 (bốn hai) thùng khẩu trang. Hạng chờ 42(bốn hai) thùng khẩu trang về kho hàng của Công ty H - Công ty H, thành phố Đà Nẵng và giữ hàng trên xe.

Sau đó, C liên lạc với ông B báo là có thể mua thêm khẩu trang với số lượng 75.000 cái khẩu trang. Ông B đồng ý và chuyển khoản cho C 70.000 NDT (nhân dân tệ) vào số tài khoản 6216692600002883045, chi nhánh F, ngân hàng Trung Quốc, mang tên Vũ Thị H, sau khi chuyển đổi tiền thành tiền Việt Nam thì Vũ Thị H là người C nhờ chuyển mệnh giá tiền NDT qua thành mệnh giá tiền Việt Nam, dùng tài khoản của mình ở Ngân hàng T chuyển tiền nhân dân tệ đã đổi qua tiền Việt Nam vào tài khoản của Nguyễn Thanh N tương ứng với số tiền 228.000.000đ (hai trăm, hai mươi tám triệu đồng).

Sau khi có tiền, C mua 25 (hai lăm) thùng hàng khẩu trang (một thùng có 60 hộp, một hộp có 50 cái khẩu trang) của Phan Thị Mỹ Đ, tên gọi khác là T với giá 210.000.000đ (Hai trăm, mười triệu đồng), C nhờ Nguyễn Thanh N kiểm tra hàng khẩu trang và chuyển khoản tiền cho Phan Thị Mỹ Đ. Khoảng 22 giờ ngày 02/02/2020, C tiếp tục gọi H đi nhận 25 thùng hàng khẩu trang tại thành phố Đà Nẵng. Sau đó, H chở tất cả số hàng 67 thùng về kho hàng của công ty H.

Khoảng 07 giờ ngày 03/02/2020, H chở 67 thùng hàng trên đến kho hàng sân bay Đà Nẵng và bốc dỡ xuống để làm thủ tục gửi hàng. Tại đây, C gặp ông Rong Kai B, C có nói với ông B là có thêm hàng khẩu trang, hỏi ông B có cần

mua không. Ông B đồng ý mua thêm, đồng thời C đã liên hệ với Phan Thị Mỹ Đ để mua thêm khẩu trang theo yêu cầu của ông Rong Kai B (*chưa nhận hàng*). Ông Rong Kai B chuyển khoản cho C 121.000 NDT (*nhân dân tệ*) hai lần: 60.000 NDT (*nhân dân tệ*) và 61.000 NDT (*nhân dân tệ*) vào số tài khoản 6236683480002490607, ngân hàng J tại Trung Quốc, mang tên LIU/FU YI. Tài khoản mang tên LIU/FU YI là tài khoản do Vũ Thị H lập để nhận chuyển tiền.

Ngày 03/02/2020, bà Vũ Thị H sử dụng tài khoản số 19032669300018 mở tại Ngân hàng T phòng giao dịch M, chi nhánh N để chuyển đến tài khoản số 19030007254013 đứng tên Hoàng Mạnh C tại T chi nhánh Đà Nẵng số tiền 78.552.000đ (*bảy mươi tám triệu, năm trăm năm hai ngàn đồng*) và 38.734.000đ (*ba mươi tám triệu, bảy trăm ba mươi bốn ngàn đồng*). Cùng ngày, H sử dụng tài khoản của Lê Thị C (*mẹ ruột của bà H*) số 19035409293017 mở tại T chi nhánh Hải Dương để chuyển đến số tài khoản nói trên của C số tiền 445.121.000đ (*bốn trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng*).

Tổng số tiền C đã nhận từ ông Rong Kai B thông qua bà Vũ Thị H 02 đợt là 790.207.000đ (*bảy trăm chín mươi triệu, hai trăm không bảy ngàn đồng*)

Vào lúc 14 giờ 24 phút ngày 03/02/2020, khi đang làm thủ tục để thông quan xuất khẩu 67 thùng hàng khẩu trang, C được Đinh Văn L là nhân viên Công ty Cổ phần đại lý vận tải S thông báo từ chối nhận gửi hàng đồng thời gửi qua zalo cho C công văn số 387/BYT-TB-CT ngày 31/01/2020 của Bộ Y Tế với nội dung “*Không bán cho các đơn vị thu mua, đầu cơ để tăng giá hoặc xuất bán khi nhu cầu trong nước đang tăng cao gây khan hiếm thị trường*” đối với các thiết bị y tế nên không thể vận chuyển đi Trung Quốc được. C thông báo lại cho Phan Thị Mỹ Đ là không mua hàng nữa.

Đến 19 giờ 50 phút ngày 03/02/2020, C gọi điện cho H yêu cầu chở toàn bộ 67 thùng hàng tại kho sân bay đến địa chỉ K30/10 Lương Thế Vinh, phường An Hải Đông, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (*nhà của N*) để gửi nhờ.

Ngày 05/02/2020, C chuyển trả lại cho ông Rong Kai B 179.200.00đ (*Một trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm ngàn đồng*) tương đương với 54.000 NDT (*nhân dân tệ*) tiền vận chuyển hàng khẩu trang.

Đến ngày 06/02/2020, N không đồng ý cho C để số khẩu trang trên tại nhà mình đồng thời yêu cầu C phải chuyển đi nơi khác, C đã nhờ N bán 67 thùng hàng khẩu trang cho một người phụ nữ không rõ lai lịch được 290.000.000đ (*hai trăm chín mươi triệu đồng*).

Khi ông Rong Kai B đòi hàng thì C nói là tổng số 97 thùng hàng bị thất lạc và Công an bắt giữ và đề nghị ông B tự liên hệ với lực lượng chức năng để giải quyết.

\* *Hoàng Mạnh C khai nhận:* Toàn bộ số tiền C nhận mua hàng khẩu trang đợt 2 là 121.000 NDT (*nhân dân tệ*) và số tiền bán 67 thùng khẩu trang

230.000.000đ (Hai trăm ba mươi triệu đồng), C dùng để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Số tiền 121.000 NDT (nhân dân tệ) mua hàng đợt 2 nhận được, C không mua khẩu trang như đã nói với ông B nhưng nói với ông B toàn bộ số hàng bị bắt là 97 thùng khẩu trang (bao gồm 42 thùng nhận vận chuyển; 25 thùng đợt 1 và 30 thùng đợt 2). C nói với ông Rong Kai B là hàng bị Quản lý thị trường bắt nhằm mục đích không phải trả lại hàng và tiền cho ông Rong Kai B.

Sau đó C thay đổi lời khai cho rằng trong vụ án này Nguyễn Thanh N cũng là đồng phạm và cũng được ăn chia tiền bán khẩu trang với C.

\*Nguyễn Thanh N khai nhận: Ngày 02/02/2020, C có nhờ tài khoản của N để nhận và chuyển tiền mua khẩu trang từ người có tên facebook T (Phan Thị Mỹ Đ), C nhờ N đi nhận 25 thùng khẩu trang mua của T. Khi Hoàng Mạnh C chở 67 thùng khẩu trang tới gửi tại nhà N thì nói với N đây là hàng của công ty C mua để chuyển qua Trung Quốc làm từ thiện. Khi C nhờ N liên hệ bán khẩu trang, N yêu cầu C nói rõ nguồn gốc số khẩu trang này thì C nói là hàng của C và đưa cho N xem hóa đơn mua hàng có tên Hoàng Mạnh C là người mua nên N tin tưởng đây là hàng của C nên mới đồng ý bán giúp C, N không biết việc C chiếm đoạt số hàng này của người Trung Quốc.

\* Ngày 12/01/2021, Cơ quan CSĐT đã tiến hành đối chất giữa hai bên tại Trại tạm giam Công an thành phố Đà Nẵng. Kết quả đối chất:

- Xác định có việc C nhờ N cất giữ 67 thùng hàng khẩu trang tại địa chỉ thành phố Đà Nẵng và bán số hàng này.

- Về nguồn gốc lô hàng khẩu trang: Không có cơ sở chứng minh Nguyễn Thanh N biết nguồn gốc số hàng này là do C chiếm đoạt của ông Rong Kai B.

\* Quá trình điều tra cũng làm rõ được ngày 07/02/2020, C đã dùng tiền bán khẩu trang để mua 01 xe máy hiệu Honda SH BKS 92D1- 624.17 với giá 63.500.000đ (sáu mươi ba triệu, năm trăm ngàn đồng) tại tiệm cầm đồ K (do ông Chu Vũ Quang T làm chủ) - C là người trực tiếp liên hệ mua và nhận toàn bộ giấy tờ xe, N là người chuyển tiền cho ông T qua tài khoản số 0102144233 tại Ngân hàng Đ Chi nhánh Đà Nẵng và làm thủ tục sang tên cho Võ Thị Quỳnh N là bạn gái của C sở hữu có BKS là 43D1- 883.12.

\* Tại Bản kết luận định giá trong tố tụng hình sự thành phố Đà Nẵng xác định giá trị của 42 thùng hàng khẩu trang là 455.000.000đ (bốn trăm, bốn mươi lăm triệu đồng).

Với nội dung trên, tại Cáo trạng số: 56/VKS-P2 ngày 11/5/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Hoàng Mạnh C về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

**Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2022/HS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:**

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt Hoàng Mạnh C 14 (mười bốn) năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 16/9/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015 và các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc bị cáo Hoàng Mạnh C phải có trách nhiệm bồi thường trả lại cho người bị hại ông Rong Kai B số tiền **1.066.207.000đ** (*một tỷ, không trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm không bảy ngàn đồng*).

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự 2015.

Buộc ông Nguyễn Thanh N nộp lại số tiền 148.000.000 đồng (*một trăm bốn mươi tám triệu*) hiện đang chiếm giữ của Hoàng Mạnh C (*tiền do bị cáo C phạm tội mà có*) nhằm đảm bảo cho việc thi hành án bồi thường cho chủ sở hữu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

### **Kháng cáo:**

Ngày 09/8/2022, bị cáo Hoàng Mạnh C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 05/8/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh N kháng cáo về biện pháp tư pháp buộc ông Nguyễn Thanh N nộp lại số tiền 148.000.000 đồng, ông N cho rằng chỉ chiếm giữ 70.100.000đ.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên nội dung kháng cáo.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu:*

Đối với kháng cáo của bị cáo: số tiền bị cáo chiếm đoạt là 1.066.207.000đ. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng và xử phạt 14 năm tù là phù hợp. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nên không có cơ sở xét giảm hình phạt, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt.

Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Thanh N khai đã trả nợ cho bị cáo C, tuy nhiên Cơ quan điều tra đã chứng minh khoản tiền nợ đã trả trước khi vụ án xảy ra. Bản sao kê tài khoản thể

hiện nhiều giao dịch không liên quan tiền bán khẩu trang. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thanh N.

*Người bào chữa cho bị cáo trình bày:* hành vi phạm tội của bị cáo có nguyên nhân do Văn bản số: 387/BYT-TB-CT ngày 31/01/2020 của Bộ Y tế không cho vận chuyển khẩu trang y tế ra nước ngoài, bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Mức án 14 năm tù là nặng, đề nghị Hội đồng xét xử xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Hoàng Mạnh C khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận: vào ngày 01 tháng 02 năm 2020, tại sân bay quốc tế Đà Nẵng bị cáo C là nhân viên đại diện hãng hàng không M tại Việt Nam sau khi thỏa thuận nhận vận chuyển 42 thùng hàng khẩu trang y tế còn lại của Rong Kai B với giá 04USD/kg từ Việt Nam sang M Trung Quốc, sau đó bị cáo tiếp tục nhận của ông B số tiền 196.000 NDT để mua thêm cho ông B 55 thùng khẩu trang y tế theo thỏa thuận giữa ông B và bị cáo, nhận tiền xong bị cáo có mua được 25 thùng với số tiền 210.000.000 đồng, số tiền còn lại chưa mua hàng, tuy nhiên, sau khi vận chuyển toàn bộ 67 thùng hàng khẩu trang y tế đến sân bay quốc tế Đà Nẵng để làm thủ tục thông quan xuất khẩu 67 thùng hàng khẩu trang y tế nói trên cho ông B về M Trung Quốc thì vướng Văn bản số: 387/BYT-TB-CT ngày 31/01/2020 của Bộ Y tế nên toàn bộ số thùng hàng khẩu trang y tế của ông B không vận chuyển được từ Việt Nam sang M, Trung Quốc như đã thỏa thuận, sau đó bị cáo có chuyển trả lại cho ông B số tiền 179.200.000đ (*tiền cước phí vận chuyển*), số tiền còn lại và toàn bộ số thùng hàng khẩu trang của ông B, bị cáo Hoàng Mạnh C đã có hành vi chiếm đoạt toàn bộ số khẩu trang cũng như số tiền dùng để mua khẩu trang của ông Rong Kai B (*quốc tịch Trung Quốc*) với tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là **1.066.207.000đ**.

[2] Hành vi trên của bị cáo đã phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự 2015 như bản án sơ thẩm đã qui kết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, thấy rằng: bị cáo chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 và có các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới nhưng xét số tiền bị cáo lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt chỉ trên 01 tỷ đồng, Tòa

án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 14 năm tù là nặng so với tính chất và mức độ, hậu quả hành vi phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[4] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh N: theo lời khai của bị cáo, trong số tiền N bán khẩu trang dùm được 290.000.000đ, N chuyển cho C 142.000.000đ, còn lại số tiền 148.000.000đ N đang chiếm giữ. Tài liệu sao kê tài khoản thể hiện giữa N và C có nhiều giao dịch nhưng ông N không chứng minh được nội dung chuyển tiền cho C là liên quan đến số tiền bán khẩu trang. Do đó, kháng cáo của ông Nguyễn Thanh N cho rằng chỉ nợ C 70.100.000đ là không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Thanh N nộp số tiền 148.000.000đ để khắc phục hậu quả là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Hoàng Mạnh C;

Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thanh N;

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2022/HS-ST ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

1. Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Hoàng Mạnh C **13 (mười ba)** năm tù về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 16/9/2020.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 46 Bộ luật Hình sự 2015.

Buộc ông Nguyễn Thanh N nộp lại số tiền 148.000.000 đồng (*một trăm bốn mươi tám triệu*) hiện đang chiếm giữ của Hoàng Mạnh C (*tiền do bị cáo C phạm tội mà có*) nhằm đảm bảo cho việc thi hành án bồi thường cho chủ sở hữu.

3. Án phí phúc thẩm:

Bị cáo Hoàng Mạnh C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Ông Nguyễn Thanh N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, đã nộp tại biên lai số 0005043 ngày 17/8/2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS-Công an thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Tự**